

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 42

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) với mã giao dịch là STG theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên
Bà Ngô Thị Thanh Thủy	Thành viên

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Quang Tiến	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2019
Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2019
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quang Tiến.

Ông Trần Văn Thịnh được Ông Trần Quang Tiến ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy Ủy Quyền số 039/UQ-KVMN ngày 25 tháng 2 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.


CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Trần Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Số tham chiếu: 61113814/20256658

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 2 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Nguyễn Quốc Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		224.357.197.950	323.214.545.627
110	I. Tiền	4	42.741.402.725	42.244.015.465
111	1. Tiền		42.741.402.725	42.244.015.465
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.1	566.352.970	15.854.048.320
121	1. Chứng khoán kinh doanh		683.872.558	28.244.672.556
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(117.519.588)	(12.390.624.236)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	165.535.310.824	254.916.770.482
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		120.921.180.254	117.423.946.406
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.004.703.795	12.404.448.049
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	98.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		41.880.587.930	37.957.635.407
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.271.161.155)	(10.869.259.380)
140	IV. Hàng tồn kho	7	3.826.387.301	5.392.975.026
141	1. Hàng tồn kho		3.826.387.301	5.392.975.026
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.687.744.130	4.806.736.334
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.263.046.395	3.773.248.896
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		67.988.721	10.097.837
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	8.356.709.014	1.023.389.601

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.539.330.535.019	1.516.087.840.572
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	-	3.351.357.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		-	917.100.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		-	2.434.257.000
220	II. Tài sản cố định		175.874.524.402	193.236.074.000
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	174.919.037.402	192.611.289.336
222	Nguyên giá		289.578.136.414	296.870.609.454
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(114.659.099.012)	(104.259.320.118)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	955.487.000	624.784.664
228	Nguyên giá		2.572.288.779	1.998.088.779
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.616.801.779)	(1.373.304.115)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		230.195.000	615.596.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230.195.000	615.596.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	1.358.799.930.505	1.314.299.930.505
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.244.266.230.427	1.199.766.230.427
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		118.695.760.078	118.695.760.078
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.162.060.000)	(4.162.060.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.425.885.112	4.584.883.067
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.817.808.950	3.483.479.316
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	608.076.162	1.101.403.751
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.763.687.732.969	1.839.302.386.199

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		392.833.331.794	646.899.656.133
310	I. Nợ ngắn hạn		334.599.148.859	287.295.254.920
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	65.868.686.434	76.628.352.275
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	20.169.228.590	96.728.235.779
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.632.065.775	6.631.379.285
314	4. Phải trả người lao động		12.296.885.021	13.641.837.062
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.775.815.662	3.368.117.822
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		270.465.934	31.700.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17.1	87.968.808.217	84.528.242.259
320	8. Vay ngắn hạn	18	142.611.746.393	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.446.833	5.737.390.438
330	II. Nợ dài hạn		58.234.182.935	359.604.401.213
337	1. Phải trả dài hạn khác	17.2	7.000.000.000	9.808.191.500
338	2. Vay dài hạn	18	49.823.500.002	348.314.237.838
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	19	1.410.682.933	1.481.971.875
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.370.854.401.175	1.192.402.730.066
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	1.370.854.401.175	1.192.402.730.066
411	1. Vốn cổ phần		854.378.790.000	854.378.790.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		854.378.790.000	854.378.790.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		518.508.646.075	340.056.974.966
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		336.068.374.966	52.642.055.704
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		182.440.271.109	287.414.919.262
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.763.687.732.969	1.839.302.386.199


Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập


Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng


Trần Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	998.319.989.909	890.371.887.744
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22, 25	(837.922.816.597)	(723.207.546.920)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.397.173.312	167.164.340.824
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	152.236.276.718	288.640.592.249
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(26.834.478.827) (28.942.246.080)	(59.360.152.829) (48.035.469.451)
25	6. Chi phí bán hàng	24, 25	(65.349.420.747)	(58.097.388.611)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 25	(44.116.982.236)	(41.441.918.163)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		176.332.568.220	296.905.473.470
31	9. Thu nhập khác	26	3.539.311.213	456.014.935
32	10. Chi phí khác	26	(146.923.570)	(481.169.468)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác	26	3.392.387.643	(25.154.533)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		179.724.955.863	296.880.318.937
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	3.208.642.835	(9.345.418.083)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.2	(493.327.589)	(119.981.592)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		182.440.271.109	287.414.919.262

Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Trần Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		179.724.955.863	296.880.318.937
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	20.320.289.840	18.206.921.600
03	(Hoàn nhập) trích lập dự phòng		(13.942.491.815)	10.363.346.743
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		171.228.332	37.404.218
05	Lãi từ hoạt động đầu tư và nhận hỗ trợ di dời		(154.988.430.447)	(278.010.359.302)
06	Chi phí lãi vay	23	28.942.246.080	48.035.469.451
06	Chi phí phát hành trái phiếu	23	1.344.262.157	2.262.015.616
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		61.572.060.010	97.775.117.263
09	Tăng các khoản phải thu		(13.141.876.601)	(114.844.849.457)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.566.587.725	(864.356.622)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(79.777.375.958)	185.998.388.965
12	Giảm chi phí trả trước		175.872.867	650.105.773
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		27.560.799.998	941.580.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(30.870.251.771)	(48.605.894.872)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.758.543.133)	(8.719.087.652)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.231.943.605)	(482.890.096)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(50.904.670.468)	111.848.113.302
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(4.591.862.227)	(26.301.788.665)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản và nhận hỗ trợ di dời		5.930.114.967	-
23	Tiền chi cho đơn vị khác vay, ủy thác đầu tư và tiền gửi có kỳ hạn		(30.000.000.000)	(203.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và ủy thác đầu tư		86.023.333.333	122.286.790.905
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(821.477.824)	(35.200.000.000)
26	Tiền thu hồi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.381.575.000
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức		152.181.436.977	288.212.277.573
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		208.721.545.226	150.378.854.813

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		70.893.048.319	110.821.492.045
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(228.116.301.919)	(360.821.492.045)
36	Cổ tức đã trả	20.3	(4.880.700)	(7.744.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(157.228.134.300)	(250.007.744.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		588.740.458	12.219.224.115
60	Tiền đầu năm		42.244.015.465	30.054.543.740
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(91.353.198)	(29.752.390)
70	Tiền cuối năm	4	42.741.402.725	42.244.015.465

Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Trần Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 382 (31 tháng 12 năm 2017: 364).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 37 năm
Máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	2 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 1 năm 2008 và 1 tháng 7 năm 2008 và trả tiền hằng năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	4.377.123.100	3.212.140.600
Tiền gửi ngân hàng	38.364.279.625	39.031.874.865
TỔNG CỘNG	42.741.402.725	42.244.015.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	10.352.970	(117.519.588)	27.688.672.556	15.298.048.320	(12.390.624.236)
<i>Trong đó:</i>						
<i>Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng</i>	-	-	-	27.560.799.998	15.291.500.000	(12.269.299.998)
<i>Công ty Cổ phần Simco Sông Đà</i>	126.752.447	9.864.420	(116.888.027)	126.752.447	5.996.020	(120.756.427)
<i>Cổ phiếu khác</i>	1.120.111	488.550	(631.561)	1.120.111	552.300	(567.811)
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	556.000.000	-	556.000.000	556.000.000	-
<i>Trong đó:</i>						
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú</i>	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú</i>	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-
TỔNG CỘNG	683.872.558	566.352.970	(117.519.588)	28.244.672.556	15.854.048.320	(12.390.624.236)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	120.921.180.254	117.423.946.406
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 28)</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Hanaro TNS</i>	4.071.192.948	2.272.100.370
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	10.345.754.603	9.382.838.430
	106.504.232.703	105.769.007.606
Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.004.703.795	12.404.448.049
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Một thành viên</i>		
<i>Thương mại Xây dựng Cẩm Anh</i>	8.773.817.614	8.773.817.614
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ</i>	917.100.000	2.139.900.000
<i>Các khoản trả trước khác</i>	2.313.786.181	1.490.730.435
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
<i>(Thuyết minh số 28)</i>	-	98.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	41.880.587.930	37.957.635.407
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phí vận chuyển trả hộ</i>	26.064.549.466	21.267.127.617
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	10.398.682.281	14.298.001.072
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	4.849.252.702	1.861.983.320
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 28)</i>	568.103.481	530.523.398
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.271.161.155)	(10.869.259.380)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>165.535.310.824</u>	<u>254.916.770.482</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(10.869.259.380)	(9.660.812.280)
Dự phòng trích lập trong năm	(69.752.093)	(2.774.370.480)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.667.850.318	1.565.923.380
Số cuối năm	<u>(9.271.161.155)</u>	<u>(10.869.259.380)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	349.823.421	2,160,188,000
Hàng hóa	753.036.607	1.057.768.844
Hàng mua đang đi đường	<u>2.723.527.273</u>	<u>2.175.018.182</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>3.826.387.301</u>	<u>5.392.975.026</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ	-	917.100.000
Phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>-</u>	<u>2.434.257.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>3.351.357.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

					VND
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	195.508.076.973	6.007.517.506	92.174.693.617	3.180.321.358	296.870.609.454
Mua trong năm	1.381.054.340	-	2.287.272.727	1.065.116.160	4.733.443.227
Thanh lý	<u>(8.665.000.000)</u>	<u>-</u>	<u>(3.315.659.092)</u>	<u>(45.257.175)</u>	<u>(12.025.916.267)</u>
Số cuối năm	<u>188.224.131.313</u>	<u>6.007.517.506</u>	<u>91.146.307.252</u>	<u>4.200.180.343</u>	<u>289.578.136.414</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>26.172.261.049</i>	<i>4.483.586.597</i>	<i>16.772.819.852</i>	<i>1.447.816.932</i>	<i>48.876.484.430</i>
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	51.370.778.926	5.466.099.718	45.549.722.313	1.872.719.161	104.259.320.118
Khấu hao trong năm	10.481.867.288	226.072.038	8.987.832.218	381.020.632	20.076.792.176
Thanh lý	<u>(8.614.833.339)</u>	<u>-</u>	<u>(1.016.922.768)</u>	<u>(45.257.175)</u>	<u>(9.677.013.282)</u>
Số cuối năm	<u>53.237.812.875</u>	<u>5.692.171.756</u>	<u>53.520.631.763</u>	<u>2.208.482.618</u>	<u>114.659.099.012</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>144.137.298.047</u>	<u>541.417.788</u>	<u>46.624.971.304</u>	<u>1.307.602.197</u>	<u>192.611.289.336</u>
Số cuối năm	<u>134.986.318.438</u>	<u>315.345.750</u>	<u>37.625.675.489</u>	<u>1.991.697.725</u>	<u>174.919.037.402</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Trang web</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.836.225.750	161.863.029	1.998.088.779
Mua trong năm	<u>574.200.000</u>	<u>-</u>	<u>574.200.000</u>
Số cuối năm	<u>2.410.425.750</u>	<u>161.863.029</u>	<u>2.572.288.779</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	1.211.441.086	161.863.029	1.373.304.115
Hao mòn trong năm	<u>243.497.664</u>	<u>-</u>	<u>243.497.664</u>
Số cuối năm	<u>1.454.938.750</u>	<u>161.863.029</u>	<u>1.616.801.779</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>624.784.664</u>	<u>-</u>	<u>624.784.664</u>
Số cuối năm	<u>955.487.000</u>	<u>-</u>	<u>955.487.000</u>

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào các công ty con	1.244.266.230.427	-	1.199.766.230.427	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	<u>118.695.760.078</u>	<u>(4.162.060.000)</u>	<u>118.695.760.078</u>	<u>(4.162.060.000)</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.362.961.990.505</u>	<u>(4.162.060.000)</u>	<u>1.318.461.990.505</u>	<u>(4.162.060.000)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (i)	Logistic	Đang hoạt động	100.00	901.000.000.000	100.00	856.499.975.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex (ii)	Logistic	Đang hoạt động	84.00	283.206.230.427	84.00	283.206.230.427
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh (iii)	Logistic	Đang hoạt động	100.00	49.860.000.000	100.00	49.860.025.000
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (iv)	Logistic	Đang hoạt động	51.00	10.200.000.000	51.00	10.200.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Logistic	Trước hoạt động	100.00	-	0	-
TỔNG CỘNG				<u>1.244.266.230.427</u>		<u>1.199.766.230.427</u>

(i) Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, chủ sở hữu đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của SII từ 856.499.975.000 lên VND 901.000.000.000 và đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận bằng việc cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 4 vào ngày 10 tháng 5 năm 2018. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 096/2018/SOTRANS/NQ-HDQT ngày 28 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc sáp nhập SII vào Công ty. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để hoàn tất việc sáp nhập này.

(ii) Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“VTX”), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. GCNĐKKD đầu tiên của Công ty số 3206000035 được SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004. Vào ngày 27 tháng 1 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do Bộ Giao thông Vận tải ban hành. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VTX là vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty sở hữu 17.616.750 cổ phiếu của VTX, tương đương 84% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này, trong đó 11.717.806 cổ phiếu của Vietranstimex được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước của Công ty. Chi tiết của các trái phiếu này được thể hiện trong *Thuyết minh số 18*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (iii) Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh (“Sotrans Hà Tĩnh”), trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3001806817 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 3 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Sotrans Hà Tĩnh là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty sở hữu 100% phần vốn góp của Sotrans Hà Tĩnh. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 098/2018/SOTRANS/NQ-HDQT ngày 28 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty trong Sotrans Hà Tĩnh cho Vietranstimex. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để hoàn tất việc chuyển nhượng này.
- (iv) Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải.
- (v) Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0315428529 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 12 năm 2018. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải.

11.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			%	VND	%	VND
Công ty Cổ phần MHC (i)	Logistics	Đang hoạt động	23.00	94.533.700.078	23.00	94.533.700.078
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (ii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50.00	10.000.000.000	50.00	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (iii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50.00	10.000.000.000	50.00	10.000.000.000
Công ty TNHH Lo-Gi-STic Gefco – Sotrans (iv)	Logistics	Đang hoạt động	24.50	4.162.060.000	24.50	4.162.060.000
TỔNG CỘNG				118.695.760.078		118.695.760.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần MHC (“MHC”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100793715 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 1998 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của MHC là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã sở hữu 7.528.181 cổ phiếu của MHC, tương đương 23% tỷ lệ sở hữu trong công ty này.
- (ii) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.
- (iii) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (“The Pier”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản.
- (iv) Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”), một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Hoạt động chính của Gefco – Sotrans Logistics là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải và dịch vụ kho bãi. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 099/2018/SOTRANS/NQ-HDQT ngày 28 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc giải thể Gefco – Sotrans Logistics. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để hoàn tất việc giải thể Gefco – Sotrans Logistics này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.980.078.431	1.093.687.344
Chi phí sửa chữa	225.008.332	173.953.940
Khác	1.057.959.632	2.505.607.612
TỔNG CỘNG	<u>3.263.046.395</u>	<u>3.773.248.896</u>
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	3.185.073.705	1.338.343.403
Thuê đất	279.062.500	1.953.437.500
Khác	353.672.745	191.698.413
TỔNG CỘNG	<u>3.817.808.950</u>	<u>3.483.479.316</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	6.678.291.294	15.287.730.283
Công ty dịch vụ vận tải Minh Tài	7.146.960.842	6.791.505.564
Công ty TNHH Một thành viên Hạnh Minh Quang	6.797.874.999	7.368.499.999
Unitex Logistics Limited	196.201.434	1.785.755.785
Phải trả người bán khác	45.049.357.865	45.394.860.644
TỔNG CỘNG	<u>65.868.686.434</u>	<u>76.628.352.275</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 28</i>)	20.000.000.000	95.124.999.994
Người mua khác trả tiền trước	169.228.590	1.603.235.785
TỔNG CỘNG	<u>20.169.228.590</u>	<u>96.728.235.779</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	456.045.329	4.962.678.282	(3.675.020.175)	1.743.703.436
Thuế giá trị gia tăng	1.541.467.401	16.546.634.240	(17.210.178.302)	877.923.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.633.866.555	-	(4.633.866.555)	-
Thuế khác	-	14.544.091.336	(13.533.652.336)	1.010.439.000
TỔNG CỘNG	<u>6.631.379.285</u>	<u>36.053.403.858</u>	<u>(39.052.717.368)</u>	<u>3.632.065.775</u>

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	10.097.837	57.890.884	-	67.988.721
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.333.319.413	-	7.333.319.413
Thuế thu nhập cá nhân	916.320	-	-	916.320
Thuế nhà đất	1.022.473.281	-	-	1.022.473.281
TỔNG CỘNG	<u>1.033.487.438</u>	<u>7.391.210.297</u>	<u>-</u>	<u>8.424.697.735</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.265.062.963	3.163.560.687
Khác	510.752.699	204.557.135
TỔNG CỘNG	<u>1.775.815.662</u>	<u>3.368.117.822</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	39.940.000.000
Nhận ký quỹ	5.216.813.949	2.037.190.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.811.994.268	2.551.051.659
TỔNG CỘNG	<u>87.968.808.217</u>	<u>84.528.242.259</u>

Trong đó:

<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	40.000.000.000	40.009.960.000
<i>Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C</i>	39.940.000.000	39.940.000.000
<i>Phải trả các bên khác</i>	8.028.808.217	4.578.282.259

(i) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thỏa thuận tạm thời quản lý Khu đất, Công ty và SORECO đồng ý gia hạn thời hạn di dời đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

(ii) Đây là khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS và số 02/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier và SORECO.

17.2 Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ	7.000.000.000	9.808.191.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>7.000.000.000</u>	<u>9.808.191.500</u>
Trong đó:		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	7.000.000.000	7.000.000.000
<i>Phải trả các bên khác</i>	-	2.808.191.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng (<i>Thuyết minh số 18.1</i>)	23.776.746.400	-
Trái phiếu thường trong nước đến hạn phải mua lại (<i>Thuyết minh số 18.2</i>)	118.834.999.993	-
TỔNG CỘNG	142.611.746.393	-
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (<i>Thuyết minh số 18.2</i>)	49.823.500.002	348.314.237.838

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	VND Vay dài hạn
Số đầu năm	-	348.314.237.838
Tiền thu từ đi vay	70.893.048.319	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(47.116.301.919)	(181.000.000.000)
Tiền chuyển từ dài hạn	118.834.999.993	(118.834.999.993)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	1.344.262.157
Số cuối năm	142.611.746.393	49.823.500.002

18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty có khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Số cuối kỳ được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<u>23.776.746.400</u>	Ngày 25 tháng 3 năm 2019	7%	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết trái phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Kỳ hạn</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	50.000.000.000	6 năm
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (ii)	Ngày 19 tháng 4 năm 2016	60.000.000.000	3 năm
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	Ngày 22 tháng 6 năm 2016	59.000.000.000	3 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		<u>(341.500.005)</u>	
TỔNG CỘNG		<u>168.658.499.995</u>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>		<i>49.823.500.002</i>	
<i>Trái phiếu dài hạn</i>		<i>118.834.999.993</i>	

(i) Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VND từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VND từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 36.905.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 19 tháng 4 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 130 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (“Việt Cát”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 7.316.180 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex, trong đó 7.217.806 cổ phiếu do Công ty sở hữu (*Thuyết minh số 11.1*) và 98.374 cổ phiếu do Công ty Cổ phần SCI sở hữu; và 3.279.317 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

- (ii) Vào ngày 22 tháng 6 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 70 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 4.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex do Công ty sở hữu (*Thuyết minh số 11.1*) và 5.000.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	854.378.790.000	(2.033.034.900)	-	-	57.447.966.914	909.793.722.014
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	287.414.919.262	287.414.919.262
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.319.411.210)	(4.319.411.210)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(486.500.000)	(486.500.000)
Số cuối năm	<u>854.378.790.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>340.056.974.966</u>	<u>1.192.402.730.066</u>
Năm nay						
Số đầu năm	854.378.790.000	(2.033.034.900)	-	-	340.056.974.966	1.192.402.730.066
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	182.440.271.109	182.440.271.109
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(488.600.000)	(488.600.000)
Số cuối năm	<u>854.378.790.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>518.508.646.075</u>	<u>1.370.854.401.175</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	85.437.879	85.437.879
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	85.437.879	85.437.879
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2017: 10.000 VND).		

20.3 Cổ tức

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
<i>Cổ tức đã trả trong năm</i>	4.880.700	7.744.000
<i>Cổ tức công bố trong năm</i>	128.154.780.000	-

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	822.727.591.228	766.023.306.808
Doanh thu bán hàng hóa	175.592.398.681	124.348.580.936
TỔNG CỘNG	998.319.989.909	890.371.887.744

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	149.414.199.900	285.898.483.400
Lãi tiền gửi	2.035.359.458	2.295.488.617
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	194.488.639	446.620.232
Khác	592.228.721	-
TỔNG CỘNG	152.236.276.718	288.640.592.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	676.515.921.576	606.050.463.569
Giá vốn của hàng hóa đã bán	161.406.895.021	117.157.083.351
TỔNG CỘNG	<u>837.922.816.597</u>	<u>723.207.546.920</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	28.980.602.329	48.035.469.451
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(4.049.804.650)	8.676.818.759
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.344.262.157	2.262.015.616
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	365.716.971	327.515.670
Khác	193.702.020	58.333.333
TỔNG CỘNG	<u>26.834.478.827</u>	<u>59.360.152.829</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	65.349.420.747	58.097.388.611
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí nhân viên	35.065.863.144	34.160.702.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.358.835.145	16.390.101.491
Khấu hao tài sản cố định	819.235.550	1.120.564.260
Chi phí bán hàng khác	10.105.486.908	6.426.020.423
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.116.982.236	41.441.918.163
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí nhân viên	29.435.740.653	28.327.602.739
Thuế, phí, lệ phí	5.146.160.868	1.760.765.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.207.550.296	4.733.039.531
Khấu hao tài sản cố định	794.476.322	813.402.046
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(892.868.185)	2.774.370.480
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.425.922.282	3.032.737.437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	677.086.427.187	609.513.145.206
Giá vốn hàng hóa đã bán	168.954.759.512	117.157.083.351
Chi phí nhân viên	70.186.785.969	68.410.945.677
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	20.320.289.840	18.206.921.600
Chi phí khác	10.840.957.072	9.458.757.860
TỔNG CỘNG	<u>947.389.219.580</u>	<u>822.746.853.694</u>

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.539.311.213	456.014.935
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	3.435.136.310	-
Thu nhập khác	104.174.903	456.014.935
Chi phí khác	(146.923.570)	(481.169.468)
Chi phí nộp phạt	-	(190.009.096)
Chi phí khác	(146.923.570)	(291.160.372)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>3.392.387.643</u>	<u>(25.154.533)</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP(tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.744.845.349	9.333.866.555
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	(7.953.488.184)	11.551.528
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	493.327.589	119.981.592
TỔNG CỘNG	<u>(2.715.315.246)</u>	<u>9.465.399.675</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>179.724.955.863</u>	<u>296.880.318.937</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	35.632.518.818	59.376.063.787
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(29.898.184.980)	(57.220.281.877)
Thuế TNDN được miễn	(1.770.676.675)	-
Chi phí không được trừ	1.274.515.775	7.298.066.237
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.238.172.938	9.453.848.147
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong năm trước	(7.953.488.184)	11.551.528
Chi phí thuế TNDN	<u>(2.715.315.246)</u>	<u>9.465.399.675</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	282.136.587	296.394.375	(14.257.788)	(82.965.375)
Chi phí phải trả	325.939.575	805.009.376	(479.069.801)	(37.016.217)
TỔNG CỘNG	608.076.162	1.101.403.751	(493.327.589)	(119.981.592)

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	36.018.708.259	35.851.184.660
		Nhận tạm ứng cho thuê cảng	35.125.000.000	25.031.688.527
		Cổ tức được chia	2.550.000.000	2.550.000.000
		Bán hàng hóa	2.540.933.671	2.202.099.980
		Mua dịch vụ	698.368.580	-
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con	Thu hồi cho vay	30.000.000.000	20.000.000.000
		Cung cấp dịch vụ	10.906.372.726	880.284.094
		Mua tài sản cố định	2.282.207.957	1.090.909.092
		Mua dịch vụ	763.636.387	5.610.027.271
		Doanh thu tài chính	44.383.562	-
		Vay	-	35.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh	Công ty con	Mua dịch vụ	23.471.502.272	18.104.851.364
		Cổ tức được chia	8.622.000.000	4.398.000.000
		Cung cấp dịch vụ	417.170.889	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công Ty Cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	1.803.100.000	1.652.400.000
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	972.053.200
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	74.240.000	637.350.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Cổ tức được chia	113.250.000.000	251.625.000.000
		Thu hồi cho vay	56.023.333.333	-
		Góp vốn	44.500.025.000	-
		Lãi cho vay	1.935.661.065	367.861.111
		Cho vay	-	98.000.000.000
		Rút vốn	-	21.492.075.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Cổ tức được chia	21.140.100.000	26.425.125.000
		Mua dịch vụ	4.529.023.163	9.341.912.772
		Doanh thu bán hàng	4.561.556.575	4.065.362.195
		Cung cấp dịch vụ	1.188.863.644	-
		Doanh thu cho thuê văn phòng	81.931.915	1.053.167.086
		Nhận tiền vay	-	47.000.000.000
		Trả tiền vay	-	47.000.000.000
Mua tài sản cố định	-	514.000.000		
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	45.048.943.714	-
		Mua dịch vụ	1.601.769.815	-
		Xây dựng trung tâm Logistic	-	80.000.000.000
Công ty cổ phần chứng khoán IB	Bên liên quan	Ứng trước thanh lý chứng khoán Hoàn trả khoản ứng trước	19.300.755.967 (19.300.755.967)	- -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	1.778.218.723	1.139.239.590
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.515.100.000	683.970.000
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	270.282.340	245.973.280
Tổng Công Ty Cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	477.400.000	111.650.000
Công ty cổ phần cáp điện Việt Nam	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	30.191.885	-
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	60.555.000
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh	Công ty con	Mua dịch vụ	-	30.712.500
			4.071.192.948	2.272.100.370
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Cho vay	-	98.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau: (tiếp theo)

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Phải thu ngắn hạn khác					
Tổng Công Ty Cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Chi hộ	568.103.481	162.662.287	
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Lãi cho vay	-	367.861.111	
			568.103.481	530.523.398	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	20.000.000.000	15.124.999.994	
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đông lớn	Xây dựng trung tâm Logistic	-	80.000.000.000	
			20.000.000.000	95.124.999.994	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh	Công ty con	Mua dịch vụ	4.247.556.501	6.199.823.000	
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	2.229.934.793	-	
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức	Công ty con	Mua dịch vụ	190.000.000	7.597.457.283	
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	10.800.000	1.393.450.000	
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Mua dịch vụ	-	97.000.000	
			6.678.291.294	15.287.730.283	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Trả hộ	-	9.960.000
			<u>40.000.000.000</u>	<u>40.009.960.000</u>

Phải trả dài hạn khác

Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đặt cọc thuê cảng	<u>7.000.000.000</u>	<u>7.000.000.000</u>
-------------------------------	-------------	-------------------	----------------------	----------------------

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương, thù lao và thưởng	<u>2.419.504.133</u>	<u>3.266.475.351</u>

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	111.302.792.356	28.119.116.356
Từ 1 đến 5 năm	238.020.301.787	104.830.781.780
Trên 5 năm	3.440.636.363	20.088.000.000
TỔNG CỘNG	<u>352.763.730.506</u>	<u>153.037.898.136</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	15.404.904.645	16.576.676.940
Từ 1 đến 5 năm	<u>11.189.631.440</u>	<u>25.828.096.085</u>
TỔNG CỘNG	<u>26.594.536.085</u>	<u>42.404.773.025</u>

Kiến tụng

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận 4 đang thụ lý vụ kiện trong đó một công ty bảo hiểm đã khởi kiện Công ty về việc hoàn trả tiền bảo hiểm mà công ty bảo hiểm này đã đền bù cho một khách hàng liên quan đến vụ cháy tại Kho Quận 4 của Công ty vào ngày 25 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 11.781.673.242 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty đang trong quá trình chuẩn bị các hồ sơ liên quan cho việc tranh tụng và kết quả vụ kiện chưa thể xác định được một cách đáng tin cậy vì vậy Công ty chưa trích lập bất kỳ khoản dự phòng nào liên quan đến vụ kiện này trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, mà trình bày là khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	880.509	631.312
- Đồng Euro (EUR)	8.172	6.640
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.896.111.460	2.190.881.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 037/2018/SOTRANS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 058/2018/SOTRANS/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2018, Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, vào ngày 9 tháng 1 năm 2019, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 15% (mỗi cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ nhận được 15 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 12.815.478 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2019, Công ty nhận được Công văn số 366/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty sẽ được điều chỉnh tăng từ 854.378.790.000 VND lên 982.533.570.000 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang thực hiện việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, phản ánh việc tăng vốn điều lệ như trên.

Ngoài sự kiện được nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Trần Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2019